TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST Ngày: 15/7/2019. V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Đạt, ông Bùi Văn Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Lê Quý Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Quang N, sinh năm 1986 – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố …., thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mĩ L, sinh năm 1990 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Ngô Quang N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Lê Thị Mĩ L tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/9/2016, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay anh N không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với chị L nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Lê Thị Mĩ L.

Về con chung: Anh N và chị Lê Thị Mĩ L có 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, sinh ngày 17/4/2015; cháu Ngô Thục Q và cháu Ngô Thảo Q, cùng sinh ngày 20/8/2016. Ly hôn anh N yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị Lê Thị Mĩ L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, Ngô Thảo Q và Ngô

Thục Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng/03 con chung. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ khi có Quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Mĩ L khai:

Về hôn nhân: Chị L và anh Ngô Quang N tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/9/2016, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng cũng có một số bất đồng quan điểm trong cuộc sống, theo chị L đó cũng chỉ là chuyện bình thường, nhỏ nhặt trong cuộc sống mà gia đình nào cũng trải qua. Hiện nay, chị L vẫn còn tình cảm yêu thương với anh N, thực tế mâu thuẫn của vợ chồng tất cả bắt nguồn từ kinh tế, kể từ khi công việc làm ăn của chị L bị đổ bể, vợ nợ dẫn đến cuộc sống mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác, bản thân chị L vẫn còn tình cảm với anh N, sống chung thủy không có mối quan hệ nam nữ nào khác bên ngoài để anh N cho rằng chị không chung thủy. Anh N cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019, tuy nhiên đó là do anh N ra ngoài thuê nhà để ở còn vợ chồng vẫn qua lại, quan tâm đến đời sống của nhau. Ngoài ra hiện nay vợ chồng có 03 người con chung đang còn nhỏ, các con cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên chị L không đồng ý ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Ngô Quang N được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, sinh ngày 17/4/2015; cháu Ngô Thục Q và cháu Ngô Thảo Q, sinh ngày 20/8/2016. Nếu anh N vẫn cương quyết ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, Ngô Thảo Q và Ngô Thục Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô Quang N phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng/tháng/01 con chung cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân gia đình và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Quang N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, sinh ngày 17/4/2015; cháu Ngô Thục Q và cháu Ngô Thảo Q, sinh ngày 20/8/2016, cho chị Lê Thị Mĩ L nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Ngô Quang N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Quang N và chị Lê Thị Mĩ L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/9/2016 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Theo anh Ngô Quang N trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay anh N không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với chị L nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía bị đơn chị Lê Thị Mĩ L trình bày chị L vẫn còn tình cảm yêu thương với anh N, thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị tất cả bắt nguồn từ kinh tế, kể từ khi công việc làm ăn của chị L bị đổ bể, vỡ nợ dẫn đến cuộc sống mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác, bản thân chị L vẫn còn tình cảm với anh N, sống chung thủy không có mối quan hệ nam nữ nào khác bên ngoài. Còn việc anh N cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019, tuy nhiên đó là do anh N ra ngoài thuê nhà để ở còn vợ chồng vẫn qua lại, quan tâm đến đời sống của nhau. Ngoài ra hiện nay vợ chồng có 03 người con chung đang còn nhỏ, các con cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên chị L không đồng ý ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L và anh Ngô Quang N được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì chị Lê Thị Mĩ L có đăng ký hộ khẩu thường trú và có cư trú ổn định tại thôn T, xã P còn anh Ngô Quang N không đăng ký hộ khẩu thường trú và không cư trú tại địa thôn T, xã P; về hôn nhân của anh Nhi chị L thì Ban thôn không biết vì anh N, chị L không báo cho ban thôn, nay anh N có đơn yêu cầu Tòa án gải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Quang N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và không muốn chung sống với chị Lê Thị Mĩ L, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ngô Quang N và chị Lê Thị Mĩ L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh Ngô Quang N được ly hôn chị Lê Thị Mĩ L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lê Thị Mĩ L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, sinh ngày 17/4/2015; cháu Ngô Thục Q và cháu Ngô Thảo Q, sinh ngày 20/8/2016, cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hiện nay các con đang ở với chị L và anh N cũng đồng ý nên giao 03 (ba) con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.500.000đ/con/tháng, xét điều kiện kinh tế thực tế của anh N thì thấy rằng mức lương anh N đang hưởng tại Công ty Bảo hiểm MIC Tây Nguyên (Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm quân đội) là 4.950.000 đồng (mức lương tháng 5/2019), thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của chị L là quá cao, mà chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/con/tháng của anh N là phù hợp với thu nhập thực tế của anh N.

Về tài sản chung: Anh Ngô Quang N và chị Lê Thị Mĩ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quang N. Anh N được ly hôn chị Lê Thị Mĩ L.

Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Ngô Quang Q, sinh ngày 17/4/2015; cháu Ngô Thục Q và cháu Ngô Thảo Q, sinh ngày 20/8/2016, cho chị Lê Thị Mĩ L nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Quang N phải cấp dưỡng số tiền 1.000.000đ/con/tháng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019.

Anh Ngô Quang N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Ngô Quang N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0010050 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Ngô Quang N phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp phần cấp dưỡng nuôi con được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thức hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- THADS huyện Krông Búk;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái